

I. PHẦN ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

*Khi mùa xuân đến mắt em
Bồng dưng biển sóng trào lên ngang trời
Dâng theo cả chín trận cười
Đậu chênh vênh bên mi dài rợp xanh
Khi mùa xuân đến mắt anh
Chon von dòng tóc em thành sông xa
Bên này sông
đỏ phù sa
Bên kia sông
trắng nhập nhòa khói sương
Em thường khấn nguyện mười phương
Mà quên cánh gió dậm đường xuân đi
Đến nơi em cát khô lì
Gọi em em mãi miết gì không thừa
Đến nơi anh ứa dòng mưa
Gạn trăm bến đục
Xuân chờ trong em.*

(Hoàng Cầm, *Khi mùa xuân đến*, in trong 99 tình khúc, NXB Văn học, 1996)

Thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1. Đối tượng trữ tình trong văn bản là ai?

Câu 2. Sự khác biệt giữa hai hình ảnh “*Bên này sông*” và “*Bên kia sông*” trong văn bản là gì?

Câu 3. Phân tích tác dụng biện pháp tu từ ẩn dụ trong câu thơ:

*“Khi mùa xuân đến mắt anh
Chon von dòng tóc em thành sông xa”*

Câu 4. Anh/chị hiểu như thế nào về hình ảnh “*bến đực*” trong dòng thơ “*Gạn trong bến đực/Xuân chờ trong em*”?

Câu 5. Anh/chị rút ra được bài học gì khi đọc hai câu thơ: “*Em thường khấn nguyện mười phương/ Mà quên cánh gió dậm đường xuân đi*”?

II. PHẦN VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích tâm trạng của chủ thể trữ tình được thể hiện trong văn bản ở phần Đọc hiểu.

Câu 2. (4 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về việc giới trẻ hiện nay cần có ý thức giữ gìn, bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

----- **Hết** -----

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Giám thị không giải thích gì thêm.

Họ tên thí sinh: Số báo danh:

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA GIỮA KÌ II

Môn: Ngữ văn 12

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	1	Đối tượng trữ tình trong văn bản: Em	0,5
	2	Khác biệt giữa hai hình ảnh “ <i>Bên này sông</i> ” và “ <i>Bên kia sông</i> ” trong văn bản: - Bên này sông: đỏ phù sa. - Bên kia sông: trắng nhập nhòa khói sương	0,5
	3	- Biện pháp tu từ ẩn dụ: Dòng tóc – Mái tóc em - Tác dụng + Gợi ra hình ảnh, tạo nên cảm xúc cho câu thơ; + Diễn tả sự mềm mại, tha thướt của mái tóc người thiếu nữ vừa cao quý vừa xa vời.	1,0
	4	Hình ảnh “ <i>bến đục</i> ” được tác giả miêu tả trong dòng thơ “ <i>Gạn trong bến đục/Xuân chờ trong em</i> ” được hiểu: số phận bấp bênh, không được may mắn hạnh phúc của người phụ nữ khi lấy chồng.	1,0
	5	Học sinh có thể tự rút ra bài học cho bản thân. Nhưng cần lí giải hợp lí dựa trên việc hiểu nội dung câu thơ. (Gợi ý: Trân trọng những gì hiện tại, không đặt ra mục tiêu cao xa, chú trọng những trải nghiệm trong cuộc đời...)	1,0
II		VIẾT	6,0
	1	Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 150 chữ) phân tích tâm trạng tâm trạng của chủ thể trữ tình ở phần Đọc hiểu.	2,0
		a. <i>Xác định yêu cầu về hình thức dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 150 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách quy nạp, diễn dịch, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Tâm trạng chủ thể trữ tình được thể hiện trong phần Đọc hiểu: Vừa ngỡ ngàng trước vẻ đẹp của “em” vừa hờn trách em. Anh thì khao khát tìm đến em nhưng em thì hờ hững, vô tâm.	0,25
		c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận</i> - Xác định được các ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý:	0,5

		- Sắp xếp được hệ thống ý hợp lý theo đặc điểm bố cục của kiểu đoạn văn. <i>HS có thể triển khai 2 – 3 ý đầy đủ, trọn vẹn thì cho điểm tối đa.</i>	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ	0,25
	2	Viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về việc giới trẻ cần có ý thức giữ gìn, bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Nghị luận xã hội	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Trình bày suy nghĩ về việc giới trẻ cần có ý thức giữ gìn, bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i> - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp được các ý hợp lý theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận và nêu khái quát quan điểm của cá nhân về vấn đề. * Thân bài: Triển khai vấn đề nghị luận: – Giải thích: Giữ gìn, bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống là bảo vệ và giữ gìn các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể như dạng thức vốn có. – Biểu hiện: + Biết trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc: Tết Nguyên đán, Tết Hàn thực, lễ hội làng, ...	1,0

	+ Biết giữ gìn và ưu tiên sử dụng những sản phẩm thủ công truyền thống: Gốm sứ, mây tre đan, lụa tơ tằm, ... + Có ý thức tái hiện, quảng bá những nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc qua các phương tiện truyền thông. – Dẫn chứng: Ví dụ Tiktoker Tuyết Mai đã quay nhiều video ngắn giới thiệu về trang phục ở các triều đại của dân tộc ta nhằm giúp cho các bạn trẻ Việt Nam thêm hiểu, thêm yêu trang phục truyền thống, thêm trân trọng văn hóa truyền thống của dân tộc. – Ý nghĩa: + Giúp giới trẻ hiểu rõ cội nguồn, lịch sử của dân tộc, từ đó nâng cao lòng tự hào, ý thức trách nhiệm đối với dân tộc. + Lan tỏa, nâng cao tinh thần yêu nước trong mỗi cá nhân. + Góp phần giữ gìn những nét đẹp truyền thống văn hóa của dân tộc trong bối cảnh hội nhập nhiều thách thức. + Tô đậm bản sắc riêng của dân tộc trên trường quốc tế. + Tạo ấn tượng đẹp đẽ, độc đáo trong lòng bạn bè quốc tế. – Giải pháp: + Gia đình cần chú trọng giáo dục những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc cho con ngay từ khi còn nhỏ, tạo điều kiện cho con tham gia các hoạt động văn hóa tại địa phương. + Nhà trường cần chú trọng giáo dục về những nét đẹp văn hóa truyền thống nhiều hơn, tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa về văn hóa. + Xã hội cần tăng cường tuyên truyền, quảng bá về văn hóa truyền thống trên các phương tiện truyền thông; đồng thời đẩy mạnh các hoạt động bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của mỗi địa phương, dân tộc. + Mỗi bạn trẻ cần có ý thức tự giác tìm hiểu về các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, tích cực tham gia tuyên truyền, quảng bá những giá trị đó. – Mở rộng: Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn tồn tại một bộ phận các bạn trẻ không trân trọng về văn hóa truyền thống do thiếu hiểu biết, có xu hướng sính ngoại, chê bai những nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc. * Kết bài: Khái quát vấn đề nghị luận + Bài học nhận thức, hành động.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i>	1,5

		- Triển khai được luận điểm để làm rõ quan điểm cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng.	
		<i>d. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5
Tổng điểm			10,0

1. Ma trận

TT	Năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						Tổng %
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Năng lực Đọc	Văn bản nghị luận (ngoài SGK)	5	2	10%	2	20%	1	10%	40%
II	Năng lực Viết	Viết đoạn văn nghị luận xã hội	1	5%		5%		10%		20%
		Viết bài văn nghị luận văn học	1	7.5%		10%		22.5%		40%
Tỉ lệ				22.5%		35%		42.5%		100%
Tổng			7	100%						

2.Bản đặc tả yêu cầu các kĩ năng kiểm tra, đánh giá

TT	Kĩ năng		Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức
----	---------	--	-----------------	----------------------------------

		Đơn vị kiến thức/Kĩ năng		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	1. Đọc hiểu	Văn bản thông tin	Nhận biết: - Thông tin chính, bố cục trình bày mạch lạc của văn bản, các phương tiện phi ngôn ngữ Thông hiểu: Phân tích được tác dụng của các yếu tố hình thức (bao gồm phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) trong văn bản. Vận dụng: - Đánh giá, rút ra ý nghĩa, tác động của thông tin trong văn bản đối với bản thân.	2 câu	2 câu	1 câu	
2	Viết	Viết đoạn văn nghị luận xã hội	Nhận biết: - Giới thiệu được vấn đề nghị luận. - Đảm bảo cấu trúc của một đoạn văn nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Thông hiểu: - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp.	1*	1*	1*	1

			- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ vấn đề nghị luận. - Thể hiện được sự đồng tình/không đồng tình đối với thông điệp được gọi ra từ vấn đề nghị luận. Vận dụng cao: - Đánh giá được đặc sắc của vấn đề nghị luận. - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt.				
		Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học (thơ)	Nhận biết: - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm. - Nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc. - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.	1 *	1 *	1 *	1

		- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm. - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm). Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt đã học để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.				
--	--	---	--	--	--	--